TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/DS-ST
Ngày 24 - 4 - 2026
V/v Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng

2. Ông Nguyễn Bạch Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thuỷ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2025/TLST-DS, ngày 21/10/2025 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 231/2026/QĐST-DS ngày 07/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN SAWAD TIỀN CÓ NGAY (sau đây gọi tắt là "Công ty"); Địa chỉ trụ sở chính: số A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phước T, chức vụ: Nhân viên thuộc Công Ty Cổ Phần S; Địa chỉ liên hệ: số C, đường C, phường C, tỉnh Đồng Tháp, (có đơn xin xét vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: số A, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Phước T trình bày:

Ngày 13/6/2020, ông Lê Minh T1 (sau đây gọi tắt là khách hàng) có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1 - Chi nhánh C (nay là Công Ty Cổ Phần S Có Ngay, sau đây gọi tắt là Công ty) theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 13/6/2020:

1. Tài sản cầm cố như sau:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh;

- Nhãn hiệu: HONDA;

- Loại: BLADE;

- Biển số xe: 66V1- 402.12;

- Số khung: RLHJA3601EY121722;

- Số máy: JA36E0246523;

- Giấy chứng nhận đăng ký số: 019149, do Công an Huyện L cấp ngày: 25/10/2016.

Số tiền cầm cố, thời hạn, mục đích cầm cố và ngày thanh toán định kỳ:

Số tiền cầm cố: 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng); Thời hạn cầm cố: 6 tháng; Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 13/06/2020; Ngày thanh toán định kỳ: 13.

Lãi suất cầm cố trong hạn và quá hạn:

Lãi suất cầm cố: 1.1%/ tháng;

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Phí và các loại phí thỏa thuận dân sự:

Phí thẩm định: 4 % /tháng.

3. Hợp đồng giấy mượn xe như sau:

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 13/6/2020, ông Lê Minh T1 đã có đơn gửi Công ty TNHH S1 - Chi nhánh C (nay là Công Ty Cổ Phần S Có Ngay) xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe. Thời hạn mượn xe là 01 tháng từ ngày 13/6/2020 đến ngày 13/7/2020.

Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Ông T1 có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận theo yêu cầu từ Công ty".

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền 6.500.000 đồng theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số CLM200601010NA16X ký ngày 13/6/2020. Tính đến ngày 08/10/2025, ông Lê Minh T1 chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là 3.855.000 đồng, trong đó bao gồm tiền gốc, lãi và phí. Ngoài ra không thanh toán cho Công ty khoản tiền nào nữa.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố ông Lê Minh T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho ông Lê Minh T1 có thời gian trả nợ nhưng ông Lê Minh T1 vẫn không thực hiện.

Nay, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lê Minh T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền gốc và lãi tạm tính 16/3/2026 là 6.588.734 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó T2 gốc: 3.492.046 đồng. Tiền lãi trong hạn: 113.957 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.982.731 đồng. Ngoài ra, ông Lê Minh T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký với Công ty ngày 13/6/2020. Thời gian tính lãi kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi ông Lê Minh T1 thanh toán xong khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay. Sau khi ông Lê Minh T1 thanh toán xong nợ thì Công ty đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký số: 019149 Do Công an Huyện L Cấp ngày: 25/10/2016 cho ông Lê Minh T1.

Ngoài ra Công ty không yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình tố tụng bị đơn là ông Lê Minh T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và văn bản pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các thủ tục tố tụng khác và về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 309, 310 và Điều 280 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc ông Lê Minh T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2026 tổng cộng là 6.588.734 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó T2 gốc: 3.492.046 đồng. Tiền lãi trong hạn: 113.957 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.982.731 đồng. Ngoài ra, ông Lê Minh T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký với Công ty ngày 13/6/2020. Thời gian tính lãi kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi ông Lê Minh T1 thanh toán xong khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Sau khi ông Lê Minh T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 019149 Do Công an Huyện L Cấp ngày: 25/10/2016 cho ông Lê Minh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Minh T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến 16/3/2026 tổng cộng là 6.588.734 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó T2 gốc: 3.492.046 đồng. Tiền lãi trong hạn: 113.957 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.982.731 đồng. Ngoài ra, ông Lê Minh T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký với Công ty ngày 13/6/2020. Thời gian tính lãi kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi ông Lê Minh T1 thanh toán xong khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay. Căn cứ Điều 309 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là *"Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản"*. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Minh T1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Lê Minh T1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này, anh Trần Phước T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Minh T1 và anh Trần Phước T quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Minh T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền

tạm tính đến ngày 16/3/2026 tổng cộng là 6.588.734 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó T2 gốc: 3.492.046 đồng. Tiền lãi trong hạn: 113.957 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.982.731 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, việc giao kết hợp đồng cầm cố giữa các đương sự: Căn cứ Hợp đồng cầm cố số CLM200601010NA16X được ký giữa các bên ngày 13/6/2020. Nội dung hợp đồng: Ông Lê Minh T1 ký cầm cố tài sản là 01 (một) xe mô tô hai bánh; Nhãn hiệu: HONDA; Loại: BLADE; Biển số xe: 66V1- 402.12; Số khung: RLHJA3601EY121722; Số máy: JA36E0246523; Giấy chứng nhận đăng ký số: 019149, do Công an Huyện L cấp ngày: 25/10/2016, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố 6.500.000 đồng; Thời hạn cầm cố là 6 tháng, kể từ ngày 13/6/2020 đến ngày 13/12/2020; Lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn và các loại phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản.

[2.2] Xét, tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

Như vậy, hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các đương sự là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 13/6/2020.

[2.3] Xét, quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: Ngày 13/6/2020 Công ty có giải ngân cho ông Lê Minh T1 nhận số tiền 6.500.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, ông Lê Minh T1 thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là 3.855.000 đồng, trong đó bao gồm tiền gốc đã thanh toán là 3.007.954 đồng, số tiền còn lại lãi và phí (theo bản kê số tiền đã thanh toán). Kể từ ngày 14/9/2020, ông Lê Minh T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại và cũng không trả lại xe máy cầm cố cho Công ty như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên việc Công ty khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T1 phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 16/3/2026 tổng cộng là 6.588.734 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó T2 gốc: 3.492.046 đồng. Tiền lãi trong hạn: 113.957 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.982.731 đồng là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã có thông báo cho ông Lê Minh T1 biết về yêu cầu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhưng ông Lê Minh T1 không có ý kiến gì phản bác đối với yêu cầu và tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Toà án. Như

vậy, căn cứ Điều 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

[2.4] Xét, yêu cầu về tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Căn cứ Hợp đồng cầm cố số CLM200601010NA16X được ký giữa các bên ngày 13/6/2020, lãi suất hai bên thoả thuận trong hạn cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đây là sự tự nguyện thoả thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo Hợp đồng cầm cố là có căn cứ phù hợp nên chấp nhận.

Tạm tính đến ngày 16/3/2026: Tiền nợ gốc 3.492.046 đồng, T2 lãi trong hạn: 113.957 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.982.731 đồng. Tổng cộng là 6.588.734 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng).

[2.5] Xét, yêu cầu tiếp tục tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu ông Lê Minh T1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với Hợp đồng cầm cố ký ngày 13/6/2020, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Minh T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền tính đến ngày 16/3/2026 là 6.588.734 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó T2 gốc: 3.492.046 đồng. Tiền lãi trong hạn: 113.957 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.982.731 đồng và buộc ông Lê Minh T1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết ngày 13/6/2020, thời gian tính lãi kể từ ngày 17/3/2026 cho đến khi ông Lê Minh T1 thanh toán xong nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Sau khi ông Lê Minh T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 019149 Do Công an Huyện L Cấp ngày: 25/10/2016 cho ông Lê Minh T1.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 280, 309, 310 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 72, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc ông Lê Minh T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/3/2026 là 6.588.734 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó T2 gốc: 3.492.046 đồng. Tiền lãi trong hạn: 113.957 đồng, tiền lãi quá hạn: 2.982.731 đồng.

Về dư nợ gốc mà ông T1 còn nợ là 3.492.046 đồng được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số CLM200601010NA16X được ký giữa các bên ngày 13/6/2020 quy định. Thời gian tính lãi tính từ ngày 17/3/2026 cho đến khi ông Lê Minh T1 thanh toán xong nợ cho Công ty.

Sau khi ông Lê Minh T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 019149 Do Công an Huyện L Cấp ngày: 25/10/2016 cho ông Lê Minh T1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005234 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lê Minh T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;

- VKSNDKV7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP (M).

Huỳnh Văn Nhựt Minh